**Đề thi học sinh giỏi toán 4**

**ĐỀ SỐ 4**

*Thời gian làm bài: 60 phút*

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

**Bài 1.** Giá trị của *x* để  *x*$ ×$ 3 = 100 là:

A. *x* = 300 B. *x* = C. *x* = 33 D. không tìm được *x*

**Bài 2.** Dấu thích hợp điền vào ô trống để 17 năm  thế kỉ là:

A.> B. = C. <

**Bài 3.** Giá trị của X thoả mãn 1 000 000 < X < 1 000 001 là:

  A. 1 000 000                           B. 1 000 000 và 100 001

  C. Không có số nào                D. 1 000 001.

**Bài 4.** Từ ba chữ số 2; 4; 5 viết được số bé nhất có ba chữ số  (ba chữ số khác nhau) và

chia hết cho 2 là:

  A. 245              B. 542               C. 452                D. 254

**Bài 5.** 1 ngày 1 giây =……………………………….. giây. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

  A. 86 801         B. 86 401          C.  86 301          D. 86 501

**Bài 6.**10 gang tay của bố dài bằng 11 gang tay của mẹ. Biết mỗi gang tay của mẹ dài 20cm, hỏi 1 gang tay của bố dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

  A. 21cm           B. 22cm            C.  220cm           D. 200cm

**Bài 7.** Diện tích của một hình vuông là 16cm2. Chu vi của hình vuông đó là:

  A. 25cm          B. 20cm           C. 25cm              D.   16cm

**Bài 8.** Hình chữ nhật ABCD có chiều dài 10cm, chiều rộng 8cm. Diện tích hình tam giác BCD là:

  A. 40cm2          B. 80cm2           C. 18cm2            D.   108cm2

**Bài 9.** Cho hình sau:



Biết cạnh của mỗi ô vuông là 1cm.

a) Tổng diện tích của tất cả các hình vuông trong hình vẽ là:

  A. 4cm2              B. 16cm2            C. 24cm2            D. 8cm2

b) Tổng chu vi của tất cả các hình vuông trong hình vẽ là:

  A. 8cm                B. 16cm             C. 20cm              D. 24cm

c) Tổng chu vi của tất cả các hình chữ nhật trong hình vẽ là:

  A. 16cm               B. 24cm            C. 28cm              D. 20cm

d) Tổng diện tích của tất cả các hình chữ nhật có trong hình vẽ là:

  A. 10cm2              B. 4cm2            C. 12cm2             D. 8cm2

**Bài 10.** Tổng của số bị trừ, số trừ và hiệu là 200. Số trừ lớn hơn hiệu 10 đơn vị. Tim số bị trừ và số trừ:

  A. 200 và 190       B. 200 và 10      C. 190 và 100        D. 100 và 55

**II. PHẨN TỰ LUẬN**

**Bài 1.** Một vòi nước buổi sáng chảy vào bể được 3/7 bể. Buổi chiều vòi nước chảy thêm đuợc 4/5 số nước còn thiếu để đầy bể. Hỏi cả ngày hôm đó vòi nước chảy vào được bao nhiêu phần bể?

**Bài 2.** Một vườn trường hình chữ nhật có chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Nếu mở thêm mỗi chiều 3m thì được một hình chữ nhật có diện tích lớn hơn diện tích vườn trường là 153m2. Tính diện tích vườn trường.

**Bài 3.** Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn:

; ; ;  (với 5 < a < 9)

**Bài 4.** Có 4 đội tham gia trổng cây. Biết đội 1, đội 2 và đội 3 trồng được 1200 cây; đội 3, đội 4 và đội 2 trồng được 1060 cây; đội 1 và đội 4 trồng được 860 cây.

a) Hỏi trung bình mỗi đội trồng được bao nhiêu cây?

b) Nếu có thêm đội 5 cùng tham gia thì đội 5 phải trồng được bao nhiêu cây để mức trung bình mỗi đội tăng thêm 4 cây?

**Bài 5.** Tính giá trị của biểu thức sau:

a) 234576 + 578957 + 47958;

b) 324586 – 178395 + 24605.

**Đáp án Đề số 4**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

**Bài 1.** B. *x* =

**Bài 2.**C. <

**Bài 3.**C. Không có số nào

**Bài 4.**D. 254

**Bài 5.**B. 86 401

**Bài 6.**B. 22cm

**Bài 7.**D. 16cm

**Bài 8.**A. 40cm2

**Bài 9. a**) D. 8cm2     b) D. 24cm       c) B. 24cm         d) D. 8cm2

**Bài 10.**D. 100 và 55

**II. PHẨN TỰ LUẬN**

**Bài 1.**

Sau buổi sáng, lượng nước còn thiếu để đầy bể là:

1 –  = ( bể )

Lượng nước chảy vào bể trong buổi chiều là:

 x  = ( bể )

Lượng nước chảy vào bể trong cả ngày là:

 +  =  ( bể )

Đáp số :  bể.

**Bài 2**.

Mở thêm mỗi chiều 3m thì được hình chữ nhật có diện tích lớn hơn vườn trường là 153m2, chính là hình chữ nhật gạch chéo.



Chiều dài hình chữ nhật tương đương với phần đất được mở rộng thêm là:

153 : 3 = 51 (m)

Chiều dài hình chữ nhật này bằng tổng chiều dài và chiều rộng hình chữ nhật cũ cộng với 3m. Vậy tổng chiều dài và chiều rộng của vườn trường là:

51 – 3 = 48 (m)

Chiều dài vườn gấp 3 lần chiều rộng, vậy chiều dài là 3 phần thì chiều rộng là 1 phần. Chiều rộng vườn trường là:

48 : (3 + 1) = 12 (m)

Chiều dài vườn trường là:

48 – 12 = 36 (m)

Diện tích vườn trường là:

36 x 12 = 432 (m2)

Đáp số: 432m2.

**Bài 3.**

;  ; ; 

**Bài 4**.

a) Đội 1, đội 2 và đội 3 trồng được 1200 cây; đội 3, đội 4 và đội 2 trồng được 1060 cây; đội 1 và đội 4 trồng được 860 cây.

Vậy đội 1 + đội 2 + đội 3 + đội 3 + đội 4 + đội 2 + đội 1 + đội 4 trồng được tất cả số cây là:

1200 + 1060 + 860 = 3120 (cây)

Số cây trên là 2 lần số cây của cả 4 đội trồng được.

Vậy số cây 4 đội trồng được là:

3120 : 2 = 1560 (cây)

Trung bình mỗi đội trồng được số cây là:

1560 : 4 = 390 (cây)

b) Thêm đội 5, nếu mức trung bình mỗi đội tăng thêm 4 cây thì số cây phải trồng là:

(390 + 4) x 5 = 1970 (cây)

Số cây đội 5 phải trồng là:

1970 – 1560 = 410 (cây)

Đáp số: a) 390 cây; b) 410 cây.

**Bài 5.**

a) 234576 + 578957 + 47958 = 861491;

b) 324586 – 178395 + 24605 = 170796.